

Bản án số: 21 /2020/DS-ST

Ngày: 10 – 11 - 2020

*"Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đồng Hữu Xây;
2. Ông Trần Quang Cườm.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Loan, cán bộ Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương, Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền (Địa chỉ: số 49 đường Phò Trạch, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2020/TLST-DS ngày 22/5/2020, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXX-ST ngày 03/8/2020; Quyết định số 02/2020/QĐST-DS, ngày 14/9/2020 tạm ngừng phiên tòa; Quyết định số 12/2020/QĐST-DS, ngày 06/10/2020 hoãn phiên tòa và Thông báo số: 1456/2020/TB-TA ngày 27/10/2020 về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (tên viết tắt: AGRIBANK).

Địa chỉ: quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Th, Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Võ Văn T, Phó Giám đốc, Chi nhánh thị xã Hương Trà. Theo Quyết định ủy quyền số: 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 và Quyết định ủy quyền số: 01/NHNo-UQ, ngày 01/4/2020 (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Th1, sinh năm:1981. Địa chỉ: thôn P, xã Ph, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Hữu N, sinh năm: 1980. Địa chỉ: thôn P, xã Ph, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/5/2020 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (tên viết tắt: AGRIBANK) và lời khai ngày 03/6/2020 của ông Võ Văn T đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã Hương Trà đã lập hợp đồng tín dụng số: - HĐTD số 4002-LAV-201504914 vào ngày: 24/11/2015, cho bà Nguyễn Thị Ngọc Th1 vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) thời hạn trả nợ đến ngày 24/11/2020. Ngoài ra hai bên thỏa thuận lãi suất tại thời điểm vay theo hợp đồng là: (lãi suất trong hạn: 10.5%/năm, lãi suất quá hạn: 15.75%/năm), bà Th1 đã trả nợ gốc của hợp đồng này là 50.000.000 đồng. Tính đến ngày 03/6/2020 hiện bà Th còn nợ gốc là 50.000.000 đồng, nợ lãi là 10.616.667 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 03/6/2016 hai bên tiếp tục ký kết hợp đồng HĐTD số 4002-LAV-201602518, phía Ngân hàng cho bà Nguyễn Thị Ngọc Th1 vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); thời hạn trả nợ đến 03/6/2019, hai bên thỏa thuận lãi suất theo hợp đồng tại thời điểm vay: (lãi suất trong hạn: 10.5%/năm, lãi suất quá hạn: 15.75%/năm), bà Th1 đã trả nợ gốc là 46.571.000 đồng, hiện còn nợ gốc là 53.429.000 đồng, nợ lãi là 12.248.599 đồng. Tổng lãi phải trả đến ngày 03/6/2020 là 12.221.599 đồng, trong đó: lãi trong hạn: 9.396.826 đồng, lãi quá hạn: 2.851.773 đồng.

Đến nay bà Th1 còn nợ tổng cộng: Nợ gốc chưa trả: 103.429.000 đồng và nợ lãi chưa trả: 22.865.266 đồng; Trong đó: lãi trong hạn: 20.013.493 đồng, lãi quá hạn: 2.851.773 đồng.

Quá trình vay tài sản ông Võ Hữu N là chồng của bà Th1 đều biết và cũng cam kết cùng bà Th1 thực hiện đúng hợp đồng đã vay, do bà Nguyễn Thị Ngọc Th1 trả nợ không đều, sau đó dừng không thanh toán nợ gốc lãi như cam kết. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án, buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc Th1 và ông Võ Hữu N có nghĩa vụ liên đới trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng đã cam kết. Bà Nguyễn Thị Ngọc Th1 và ông Võ Hữu N phải tiếp tục trả các khoản tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn theo mức lãi suất nợ quá hạn đã cam kết tại các hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc thực tế đến thời điểm kết thúc vụ án và các khoản lãi phát sinh đến thời điểm thanh toán toàn bộ các khoản vay.

Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc Th1, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập bà Th1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Võ Hữu N, nhưng bị đơn là bà Th1 đã bỏ đi khỏi địa phương nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và tổ chức hòa giải được.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông N thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng ông có vay của Chi nhánh Agribank Hương Trà hai khế vay như phía ngân hàng khởi kiện là đúng. Tuy nhiên, do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên vào ngày 18 tháng 8 năm 2017 bà Nguyễn Thị Ngọc Th1 và ông Võ Hữu N được Tòa án Nhân dân thị xã Hương Trà công nhận thuận tình ly hôn theo Quyết định số: 74/2017/QĐST-HNGĐ. Quá trình giải quyết ông N đồng ý thanh toán một nửa số tiền gốc và lãi của hai hợp đồng tín dụng trên theo yêu cầu của phía Ngân hàng.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền tại phiên tòa:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Phía nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt.

Tuy nhiên, Đại diện Viện kiểm sát cho rằng việc Tòa án xác định thẩm quyền theo lãnh thổ để giải quyết vụ án là không đúng và việc tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn chưa hợp lệ. Bởi theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn thể hiện: các tháng từ 02/2018 đến 6/2018 bà Th1 thực hiện thanh toán không đều và dừng thanh toán vào tháng 10/2018. Tại thời điểm khoản vay chuyển quá hạn ngày 20/6/2019, Ngân hàng đã phối hợp cùng Công an thị xã Hương Trà đơn đốc bà Th1 trả nợ. Như vậy, sau khi bà Th1 ly hôn và sống tại thị xã Hương Trà thì bà Th1 vẫn thực hiện nghĩa vụ trả nợ điều đó cho thấy bà Th1 không phải trường hợp cố tình che giấu địa chỉ.

Tại thời điểm Tòa án tiến hành thụ lý thì bà Th1 không có hộ khẩu thường trú, tạm trú hay làm việc tại huyện Phong Điền. Việc Tòa án thụ lý vụ án và tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như tiến hành niêm yết các văn bản tại nhà ông Võ Hữu N (chồng đã ly hôn), trú tại: Thôn P, xã Ph, huyện Phong Điền là không đảm bảo tố tụng.

Ngoài ra, nếu vụ án được xét xử thì bản án đã tuyên sẽ khó thi hành bởi: Người phải thi hành án là bà Nguyễn Thị Ngọc Th1 không có hộ khẩu tại huyện Phong Điền, cơ quan Thi hành án dân sự sẽ không tiến hành xác minh địa chỉ của bị đơn tại Phong An và không tiến hành cưỡng chế thi hành đối với bà Th1. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ vụ án và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã Hương Trà đã lập hợp đồng tín dụng số: - HĐTD số 4002-LAV-201504914 vào ngày: 24/11/2015, cho bà Nguyễn Thị Ngọc Th1 vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) thời hạn trả nợ đến ngày 24/11/2020. Đến ngày 03/6/2016 hai bên tiếp tục ký kết hợp đồng HĐTD số 4002-LAV-201602518, cho bà Nguyễn Thị Ngọc Th1 vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); thời hạn trả nợ đến 03/6/2019. Do bà Th1 không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi theo cam kết. Do đó việc khởi kiện của ngân hàng Agribank thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền có công văn yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ với nội dung: xác định thẩm quyền giải quyết vụ án theo lãnh thổ và tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn chưa hợp lệ. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm việc Tòa án thụ lý vụ án này là không đúng thẩm quyền theo lãnh thổ với lý do: Tại thời điểm Tòa án tiến hành thụ lý thì bà Th1 không có hộ khẩu thường trú, tạm trú hay làm việc tại huyện

Phong Điền. Nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật TTDS đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ vụ án và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

Qua xem xét đơn khởi kiện, thời điểm xác lập hợp đồng tín dụng và đối chiếu các tài liệu kèm theo như CMND, hộ khẩu xác đều xác định bà Nguyễn Thị Ngọc Th1 có đăng ký nhân khẩu thường trú tại thôn P, Ph, Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông Võ Hữu N cũng thừa nhận tại thời điểm giao dịch giữa ông và bà Th1 là vợ chồng, lúc này bà Th1 đang đăng ký nhân khẩu thường trú cùng hộ khẩu. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán quy định về xử lý việc ghi địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

“1. Trường hợp trong đơn khởi kiện người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo hướng dẫn tại Điều 5 Nghị quyết này thì Tòa án phải nhận đơn khởi kiện và xem xét thụ lý vụ án theo thủ tục chung.

2. Trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không còn cư trú, làm việc hoặc không có trụ sở tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án giải quyết như sau:

a) Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “*đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở*”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan”

Đồng thời sau khi có yêu cầu của đại diện Viện kiểm sát về việc tổng đạt và niêm yết cho bị đơn là bà Th1 vì đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, Tòa án đã đăng thông báo về việc thụ lý, thời gian giải quyết xét xử vụ án trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể đăng liên tiếp 03 số báo 261, 262 và 263 trên báo Thanh niên vào các ngày 17/9/2020; 18/9/2020 và 19/9/2020; Đăng trên Đài truyền hình Việt Nam VTV8 vào các ngày 17/9/2020; 18/9/2020 và 19/9/2020;

Do đó, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền. Việc bà Th1 đã được thông báo, triệu tập đúng quy định pháp luật nhưng bà Th1 không đến tòa để cung cấp lời khai, tham gia hòa giải. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

Về xác định tư cách người tham gia tố tụng: Việc ký kết các hợp đồng trên giữa bà Th1 với ngân hàng, ông N đều biết việc bà Th1 vay tiền để phục vụ sinh hoạt gia đình và đã cam kết cùng bà Th1 thực hiện đúng hợp đồng đã vay. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử xác định ông N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án và phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng trên.

[2] Về nội dung: Do có nhu cầu sử dụng trong sinh hoạt tiêu dùng phục vụ cuộc sống gia đình, nên bà Nguyễn Thị Ngọc Th1 đã vay của Ngân hàng Agribank theo Hợp đồng tín dụng số: - HĐTD số 4002-LAV-201504914 vào ngày: 24/11/2015, cho bà Nguyễn Thị Ngọc Th1 vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), kỳ hạn trả nợ thành nhiều kỳ, mỗi kỳ cách nhau một tháng. Ngoài ra hai bên tiếp tục ký kết hợp đồng HĐTD số 4002-LAV-201602518, vào ngày 03/6/2016 phía Ngân hàng cho bà Nguyễn Thị Ngọc Th1 vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); thời hạn trả nợ đến 03/6/2019. Đến thời hạn thanh toán theo hợp đồng, phía ngân hàng đã nhiều lần thông báo cho bà Th1 để thu hồi nợ. Nhưng bà Th1 không thực hiện trả nợ gốc cũng như tiền lãi theo các hợp đồng. Vì vậy phía ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Th1 và ông N có nghĩa vụ liên đới phải thanh toán các khoản nợ gốc và lãi.

[3] Về đánh giá chứng cứ: Căn cứ các tài liệu chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp xét thấy Hợp đồng tín dụng số HĐTD số 4002-LAV-201504914 ngày 24/11/2015, và HĐTD số 4002-LAV-201602518, ngày 03/6/2016. Tại Điều 3 của hợp đồng quy định Ngân hàng được quyền chuyển số dư nợ sang nợ quá hạn, cũng như lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn khi bên vay không trả nợ đúng kỳ hạn. Do vậy xác định bà Th1 còn nợ HĐTD số 4002-LAV-201504914 ngày 24/11/2015 tiền gốc: 50.000.000 đồng, lãi trong hạn tính từ ngày 06/6/2018 đến 10/11/2020 là 12.964.583 đồng; nợ HĐTD số 4002-LAV-201602518, ngày 03/6/2016 tiền gốc: 53.429.000 đồng, lãi trong hạn tính từ ngày 09/10/2018 đến 10/11/2020 là 11.905.762 đồng và lãi quá hạn từ 03/6/2019 đến 10/11/2020 là 4.106.241 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi bà Th1 còn nợ, trong đó nợ gốc: 103.429.000 đồng; lãi trong hạn: 24.870.346 đồng; lãi quá hạn phát sinh: 4.106.241 đồng (tính đến ngày xét xử 10/11/2020).

[4] Về xác định quan hệ tranh chấp và nội dung giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng dân sự “về việc vay tài sản”. Do bà Nguyễn Thị Ngọc Th1 vi phạm trong việc thực hiện hợp đồng, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận; do vậy buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc Th1 và ông Võ Hữu N có nghĩa vụ liên đới trả cho ngân hàng AGRIBANK số tiền 132.405.587 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu, bốn trăm lẻ năm ngàn, năm trăm tám mươi bảy đồng). Do khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên vợ chồng đều có nghĩa vụ như nhau và quá trình giải quyết ông N đồng ý mỗi người phải trả 50 % số nợ gốc và lãi kể trên. Cụ thể bà Nguyễn Thị Ngọc Th1 có nghĩa vụ trả cho ngân hàng AGRIBANK Việt Nam số tiền 132.405.587 đồng X 50% = 66.202.793 đồng (làm tròn số: 66.203.000 đồng); Ông Võ Hữu N có nghĩa vụ trả cho ngân hàng AGRIBANK Việt Nam số tiền 132.405.587 đồng X 50% = 66.202.793 đồng (làm tròn số: 66.203.000 đồng)

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Th1 phải chịu án phí 66.203.000 đồng x 5 % = 3.310.150 đồng (làm tròn số 3.310.000 đồng) theo quy định pháp luật.

Ông Võ Hữu N phải chịu án phí 66.203.000 đồng x 5 % = 3.310.150 đồng (làm tròn số 3.310.000 đồng), tuy nhiên quá trình giải quyết phía đại diện ngân hàng và ông N đã thỏa thuận phần nghĩa vụ của ông N, nên ông N chỉ chịu 50% tiền án phí (3.310.000 đồng X 50%) = 1.655.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm Ngân hàng AGRIBANK không phải chịu. Nên hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 3.135.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 008576 ngày 22/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền.

Từ những nhận xét trên, Tòa án nhân dân huyện Phong Điền.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 280; Điều 463; khoản 5 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Th1 phải trả cho Ngân hàng Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (tên viết tắt: AGRIBANK) số tiền nợ gốc và lãi trong hạn và lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng là: 66.203.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu, hai trăm lẻ ba ngàn đồng), tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/11/2020).

Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Võ Hữu N và Ngân hàng AGRIBANK. Ông Võ Hữu N có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (tên viết tắt: AGRIBANK) số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng là: 66.203.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu, hai trăm lẻ ba ngàn đồng), tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/11/2020).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Th1 phải chịu án phí 3.310.000 đồng (đã làm tròn số) theo quy định pháp luật.

Ông Võ Hữu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.655.000 đồng

Án phí dân sự sơ thẩm Ngân hàng AGRIBANK không phải chịu. Nên hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 3.135.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 008576 ngày 22/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền.

Án xử công khai báo cho nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- Lưu: HSVA;
- Ấn văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Đạt